TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;

2. Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Lê Xuân T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương A Th, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn bà Đỗ Lê Xuân T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Dương A Th chung sống với nhau từ năm 2012, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/8/2013. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Th không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc. Bà T đã nhiều lần báo Công an xã đến làm việc, nhưng không lập biên bản. Bà đã cho ông Th rất nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng ông Th vẫn không thay đổi. Hiện tại ông bà đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông Dương A Th.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Th có một con chung tên Dương Thảo N, sinh ngày 04/02/2014. Hiện con đang sống với bà Tâm. Bà T xin được nuôi dưỡng con chung Dương Thảo N và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà T thống nhất với những lời trình bày trước đây và đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Dương A Th.

- Về con chung: Xin được nuôi con chung tên Dương Thảo N, sinh ngày 04/02/2014 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Dương A Th trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đỗ Lê Xuân T chung sống tự nguyện từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/8/2013. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T luôn tự ý quyết định mọi việc, không tôn trọng ý kiến của ông, từ ngày bà T bỏ buôn bán đi làm bưu điện thì bà T thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm chăm sóc chồng con, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Hiện tại ông và bà T đã ly thân, nhưng bản thân ông còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ lo cho cuộc sống chung nên ông không đồng ý ly hôn với bà Đỗ Lê Xuân T.

- Về con chung: Ông và bà T có một con chung tên Dương Thảo N, sinh ngày 04/02/2014. Hiện con đang sống chung với bà T. Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông xin nhường quyền nuôi con chung tên Dương Thảo N cho bà T và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung Dương Thảo N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Dương A Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Lê Xuân T và ông Dương A Th là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/8/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân là do bị đơn không chí thú làm ăn, thường uống rượu, đánh chửi vợ con, đập phá đồ đạc. Bị đơn cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nguyên đơn thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm chăm sóc gia đình, không tôn trọng ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên, mâu thuẫn chưa trầm trọng, bản thân bị đơn còn thương yêu vợ con và muốn gia đình đoàn tụ cùng lo cho cuộc sống chung, do đó bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/6/2017, đại diện chính quyền địa phương ấp A, xã B, huyện Phú Giáo xác nhận: Quá trình chung sống giữa bà T và ông Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không T. Hiện tại hai ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đỗ Lê Xuân T và ông Dương A Th đã trầm trọng. Ông Th cho rằng bản thân còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ nhưng không có biện pháp xây dựng gia đình hạnh phúc mà chỉ nhằm ràng buộc bà T. Hiện tại ông bà đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định bà Đỗ Lê Xuân T và ông Dương A Th có 01 con chung tên

Dương Thảo N, sinh ngày 04/02/2014. Xét thấy, cháu N còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, bà T hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đồng thời ông Th cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng nên cần giao con chung Dương Thảo N cho bà Đỗ Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông Th, đồng thời ông Th cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Lê Xuân T đối với bị đơn ông Dương A Th về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Lê Xuân T được ly hôn với ông Dương A Th.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Thảo N, sinh ngày 04/02/2014 cho bà Đỗ Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương A Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Dương A Th. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Lê Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

AA/2016/0007806 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Dương A Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa